

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2017
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa chị L và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1406/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: ĐKHKT Thôn Đ, xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:* Chị và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N thành phố Hải Phòng vào ngày 20-10-2014. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2015 anh T đi du học Nhật Bản. Tuy nhiên đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả về kinh tế và quan điểm sống không phù hợp. Cả hai đã cố tìm biện pháp giải quyết, đồng thời hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay xác định cuộc sống chung không thể tiếp tục, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về nuôi con: Chị và anh Bùi Văn T có một con chung tên là Bùi Thị Bích N, sinh ngày 08-12-2016. Anh chị thống nhất để chị L nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong các bản tự khai, bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày:* Thống nhất với chị L về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Cả nhân anh cũng đã cố gắng có biện pháp khắc phục giữa anh và chị L, nhưng đều không được. Do vậy, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh chị được ly hôn để mỗi người sớm ổn định cuộc sống của mình. Do anh không thể ở lại Việt Nam để tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và anh ủy quyền cho chị Nguyễn Thị L nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho anh.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và các bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 10 năm 2014, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Bùi Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Theo đơn xin xác nhận của anh Bùi Văn T (có xác nhận của Công an xã H, huyện N) thì anh T chỉ có mặt tại Việt Nam từ ngày 07-8-2017 đến ngày 17-8-2017, trong bản tự khai anh có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Cả chị L và anh T đều khai thống nhất: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn cả về quan điểm sống và kinh tế. Bản thân hai anh chị và gia đình hai bên đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Lời khai của anh chị phù hợp với ý kiến của hai bên gia đình. Nay cả hai cùng xác định không còn yêu thương nhau và cùng đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T đã thực sự không còn yêu thương nhau, ai chỉ biết bốn phận của người đó. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, mặc dù cho đến thời điểm hiện nay anh chị có con chung chưa được 12 tháng tuổi nhưng chị L là người chủ động xin ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị L, anh T.

[4] Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn T có một con chung tên là Bùi Thị Bích N, sinh năm 08-12-2016. Anh T và chị L đều thống nhất để con chung cho chị L nuôi. Xét thỏa thuận của anh chị không trái với quy định của pháp luật, vẫn đảm bảo quyền lợi cho cháu N. Do vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con của chị L, anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T thỏa thuận tự giao nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Chị L và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về nuôi con: Giao chị Nguyễn Thị L nuôi con chung Bùi Thị Bích N, sinh năm 08-12-2016 cho đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T thỏa thuận tự giao nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003846 ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã H, huyện N, TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thu Hương